

Bản án số: 80/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27-4-2018

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Liêu Chí Khanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hiền.

Bà Nguyễn Hải Âu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị M, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp G, xã H, thành phố , tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phan Minh H, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp T, xã Ng, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Phạm Thị M trình bày: Chị với anh Phan Minh H tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 04/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố C. Vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được cháu Phan Như T, sinh ngày 09/9/2015. Thời gian chung sống anh H hay uống rượu về đánh đập chị nhiều lần, không quan tâm lo lắng cho vợ con. Do

không thể chịu đựng được nữa, nên chị sống ly thân với anh H hơn 03 tháng nay. Hiện tại chị không còn thương anh H nên xin được ly hôn, xin được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Phan Minh H, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng anh H không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của chị M, không tham gia hòa giải và xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Anh Phan Minh H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị M xin ly hôn với những mâu thuẫn đã khai nêu trên, nhưng anh H không phản đối. Anh cũng không mong muốn được hàn gắn, thể hiện qua việc Tòa án nhiều lần triệu tập hòa giải và xét xử, anh đều vắng mặt. Từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị M được ly hôn với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị M xin được nuôi con, anh H không phản đối. Xét thấy cháu Phan Như T, chưa đủ 3 tuổi, nên cần giao cho mẹ nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M khai không có, anh H không phản đối nên Tòa án không xem xét giải quyết các mối quan hệ này.

[5] Án phí hôn nhân gia đình chị Phạm Thị M phải chịu theo quy định.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị M. Cho chị Phạm Thị M được ly hôn với anh Phan Minh H.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị M. Giao cháu Phan Như T cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không buộc anh Phan Minh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị M phải chịu là 300.000 đồng. Chị M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm tại biên lai thu tiền số 0009553 ngày 21/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, chị M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN T**

**Liêu Chí Khanh**